

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI
THÁNG BẢY VÀ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2024
TỈNH YÊN BÁI

Yên Bái, 7 - 2024

TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ TỈNH YÊN BÁI
Số: 614/BC-CTK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Yên Bái, ngày 25 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội

Tháng bảy và 7 tháng năm 2024 - Tỉnh Yên Bái

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Tháng 7 năm 2024, tình hình sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Yên Bái cơ bản đảm bảo ổn định sản xuất; các cây trồng vụ Đông Xuân được chăm sóc, bảo vệ tốt cho thu hoạch đảm bảo tiến độ để giải phóng đất sản xuất vụ Mùa; tình hình chăn nuôi dịch Tả lợn Châu Phi phát sinh và cơ bản được kiểm soát; lâm nghiệp và thủy sản phát triển ổn định.

1.1. Sản xuất nông nghiệp

a. Trồng trọt: Trong tháng, các địa phương đang tập trung chăm sóc và thu hoạch cây trồng vụ Xuân, đồng thời đẩy nhanh tiến độ làm đất và gieo trồng lúa, ngô mùa sớm ở vùng cao.

* Tiến độ sản xuất đến ngày 19/7/2024

- Thu hoạch vụ Đông Xuân: Hoàn thành thu hoạch lúa Xuân. Diện tích ngô xuân đã thu hoạch 9.023 ha, đạt 63,1% kế hoạch.

- Sản xuất vụ Mùa: (1) Diện tích lúa đã gieo cấy 22.527 ha, đạt 103% KH (trong đó: diện tích lúa ruộng đã cấy 21.611 ha; diện tích lúa nương đã gieo trồng 916 ha tại Trạm Tấu 760 ha, huyện Mù Cang Chải 115 ha, huyện Văn Yên 41 ha); (2) Cây ngô đã trồng 6.457 ha, đạt 73,4% KH; (3) khoai lang đã trồng: 1.005 ha, đạt 99,2% KH; (4) Rau các loại: 2.743 ha, đạt 91% KH.

- Cây lâu năm: Diện tích cây ăn quả trồng mới 239 ha, đạt 126% KH.



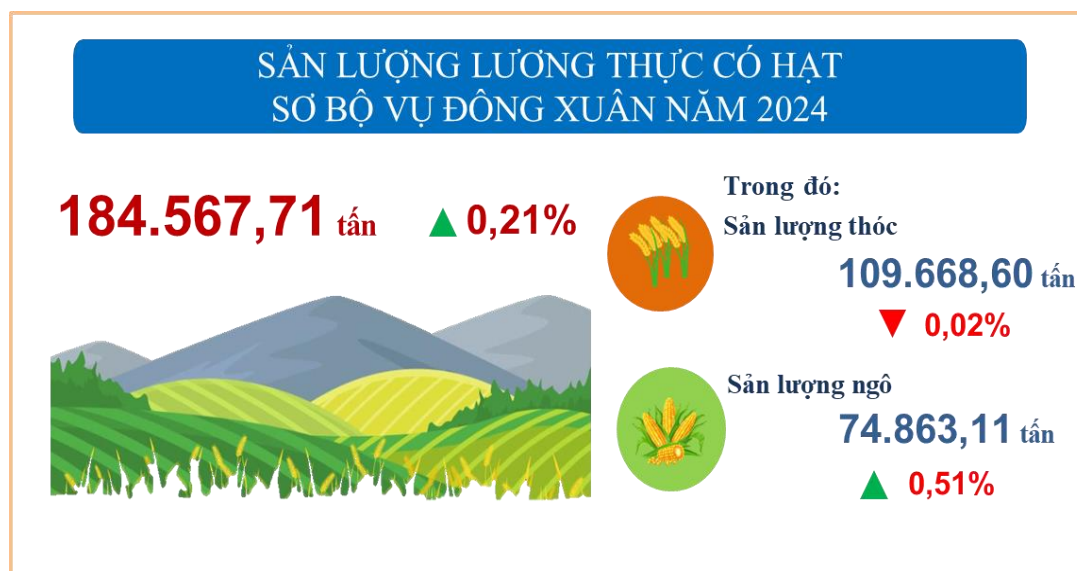
* Kết quả sơ bộ cây hàng năm vụ Đông xuân năm 2024:

Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm vụ Đông xuân đạt 53.025,79 ha, giảm 0,22% so với cùng kỳ năm 2023; trong đó: Diện tích lúa đạt 19.416,64 ha, giảm 0,46%; diện tích ngô đạt 19.887,33 ha, giảm 0,92%; diện tích cây lấy củ có chất bột đạt 2.226,49 ha, tăng 0,91% (Khoai lang đạt 2.174,07 ha, tăng 1,49%; Khoai sọ đạt 5,2 ha, giảm 45,95%); diện tích cây có hạt chứa dầu đạt 1.365,18 ha, giảm 1,23% (đậu tương đạt 26,85 ha, giảm 8,7%; lạc đạt 1.326,51 ha, giảm 1,06%); diện tích gieo trồng rau, đậu, hoa, cây cảnh đạt 8.476,38 ha, tăng 1,35% so với cùng kỳ;...

Về năng suất: Lúa đạt 56,48 tạ/ha, tăng 0,44%; ngô đạt 37,68 tạ/ha, tăng 1,53%; khoai lang đạt 58,24 tạ/ha, tăng 0,25%; đậu tương đạt 12,01 tạ/ha; lạc đạt 19,40 tạ/ha; rau các loại đạt 123,75 tạ/ha, đậu, đỗ các loại đạt 7,03 tạ/ha;...

Về sản lượng: Tổng sản lượng lương thực có hạt sơ bộ đạt trên 184.567,71 tấn, tăng 0,21% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó: lúa đạt 109.668,6 tấn, giảm 0,02%; ngô đạt 74.863,11 tấn, tăng 0,51%.

Sản lượng một số cây trồng hàng năm như: Khoai lang đạt 12.660,77 tấn, tăng 1,75%; khoai sọ đạt 63,96 tấn; khoai tây đạt 435,38 tấn; đậu tương đạt 32,26 tấn, giảm 9,13%; lạc đạt 2.574,09 tấn, giảm 0,22%; rau các loại đạt 99.692,49 tấn, tăng 2,24%; đậu các loại đạt 207,89 tấn.



b. Chăn nuôi – Thú y

* *Tình hình sản xuất:*

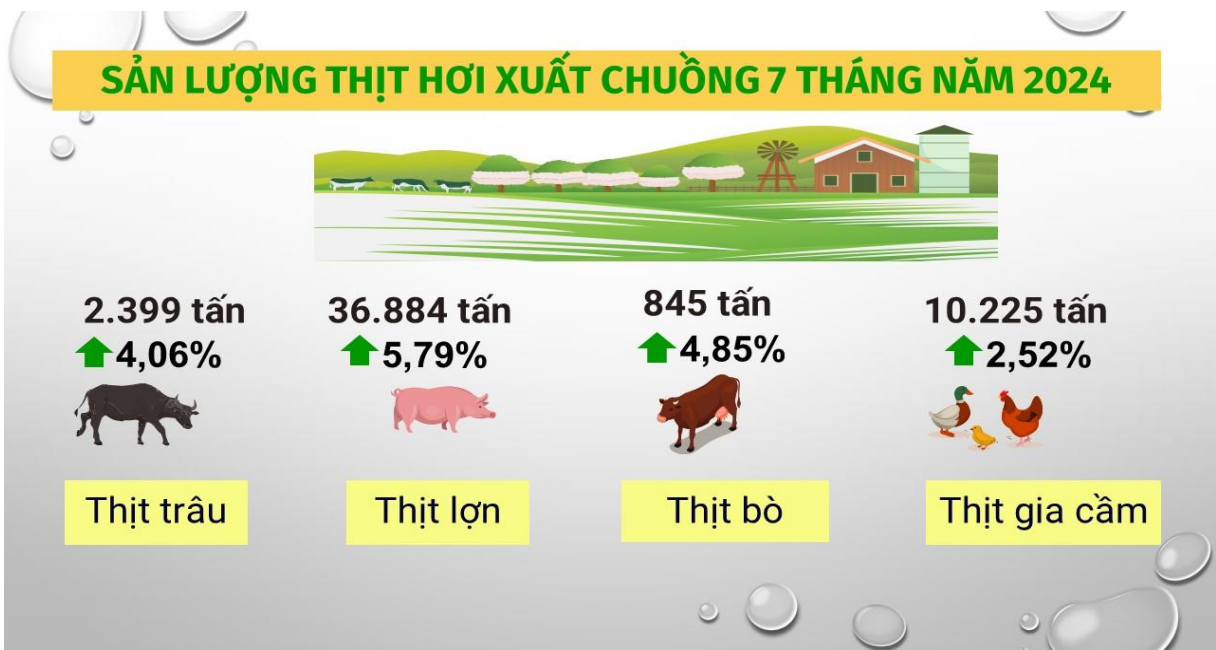
- Dự ước sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc chính tháng 7 năm 2024 đạt 4.245,98 tấn, tăng 4,49%; Tính chung 7 tháng đạt 40.128,35 tấn, tăng 5,66% so với cùng kỳ, trong đó:

Đàn trâu: Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 7 đạt 269 tấn, tăng 4,26% so cùng kỳ; cộng dồn 7 tháng đạt 2.399,05 tấn, tăng 4,06% so với cùng kỳ.

Đàn bò: Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 7 đạt 104,98 tấn, tăng 4,98% so cùng kỳ; cộng dồn 7 tháng đạt 844,96 tấn, tăng 4,85%.

Đàn lợn: Sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 7 đạt 3.872 tấn, tăng 4,50% so cùng kỳ; cộng dồn 7 tháng đạt 36.884,34 tấn, tăng 5,79% so với cùng kỳ.

- Đàn gia cầm: dự ước sản lượng thịt hơi xuất chuồng tháng 7 năm 2024 đạt 1.257,42 tấn, tăng 3,58% so với cùng kỳ; cộng dồn 7 tháng đạt 10.224,84 tấn, tăng 2,52% so với cùng kỳ. Sản lượng trứng đạt 7.002,32 nghìn quả, giảm 1,65%; cộng dồn 7 tháng đạt 47.784,64 nghìn quả, giảm 3,84% so với cùng kỳ.



* Tình hình dịch bệnh

Trong tháng, Dịch tả lợn Châu phi tiếp tục phát sinh trên địa bàn huyện Lục Yên, cụ thể: Phát sinh thêm 108 con lợn mắc bệnh tại xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên. Tổng số lợn chết, tiêu hủy là 108 con với tổng khối lượng là 2.787 kg. Lũy kế đến ngày 02/7/2024 dịch xảy ra tại 69 hộ, thuộc 08 thôn của xã Lâm Thượng, huyện Lục Yên tổng số lợn mắc bệnh là 295 con, số lợn tiêu hủy là 295 con với tổng khối lượng là 11.383 kg. Tính đến ngày 11/7/2024, không phát sinh thêm gia súc mắc bệnh.

* Công tác thú y

Kiểm dịch vận chuyển xuất ra ngoài tỉnh từ ngày 15/6/2024 đến ngày 12/7/2024 được 284 chuyến¹ với 66.503 gia súc, gia cầm; 3 chuyến với 12.200

¹ Trong đó: 11 chuyến với 223 con trâu bò giết mổ, 7 chuyến với 143 con bò chăn nuôi thương phẩm, 91 chuyến với 4.531 con lợn giết mổ, 137 chuyến với 33.272 con lợn chăn nuôi thương phẩm, lợn giống, 11 chuyến với

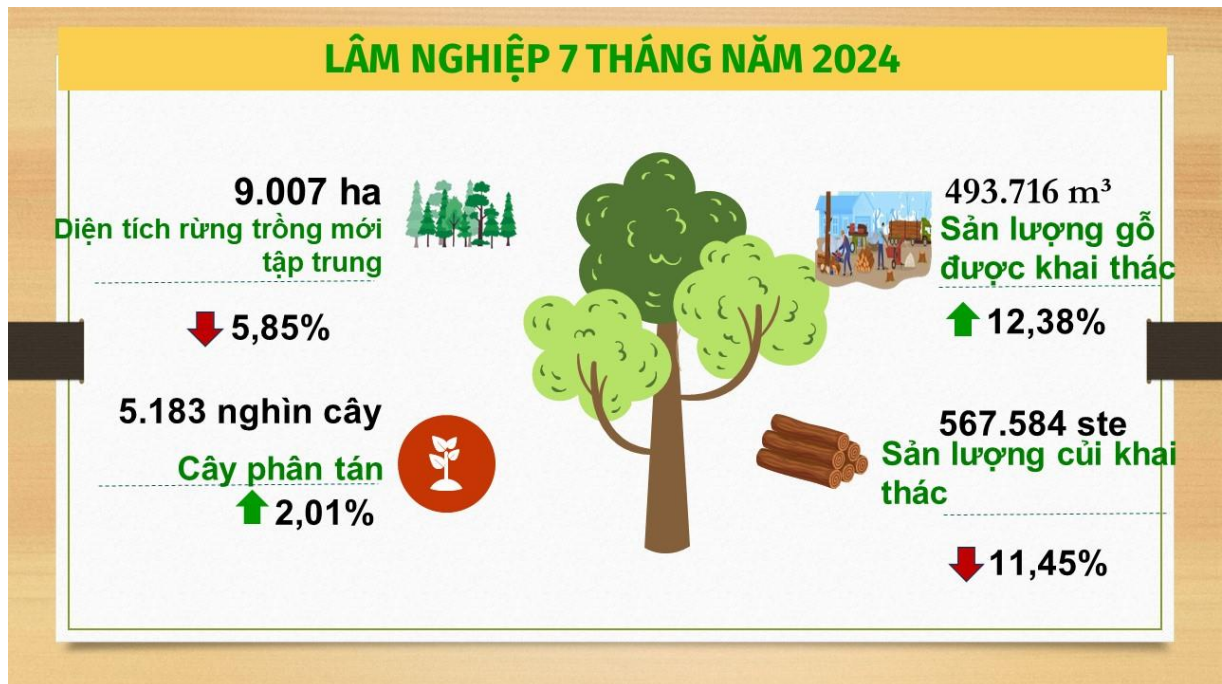
kg chân gà và 19 chuyến với 688.080 quả trứng giống. Kiểm tra, kiểm soát động vật nhập vào địa bàn được 25 chuyến² với 191.330 con gia súc, gia cầm.

- Giá lợn hơi tháng 7/2024 duy trì ở mức 64.000- 67.000 đồng/kg; Giá sản phẩm thịt lợn duy trì ở mức 105.000 – 115.000 đồng/kg thịt mỡ sản.

1.2. Sản xuất lâm nghiệp

Diện tích rừng trồng mới tập trung tháng 7/2024 đạt 111,8 ha; lũy kế 7 tháng 2024 đạt 9.006,6 ha bằng 94,15% so với cùng kỳ năm 2023. Trồng cây phân tán tháng 7/2024 đạt 71 nghìn cây, lũy kế đạt 5.183 nghìn cây, tăng 2,01% so với cùng kỳ năm trước.

Sản lượng gỗ khai thác tháng 7/2024 ước đạt: 35.990 m³, cộng dồn 7 tháng đạt 493.716 m³, tăng 12,38% so cùng kỳ năm trước. Sản lượng củi khai thác trong tháng đạt 124.634 ste, giảm 0,62% so với cùng kỳ, cộng dồn 7 tháng năm 2024 ước đạt 567.584 ste, giảm 11,45% so cùng kỳ năm trước.



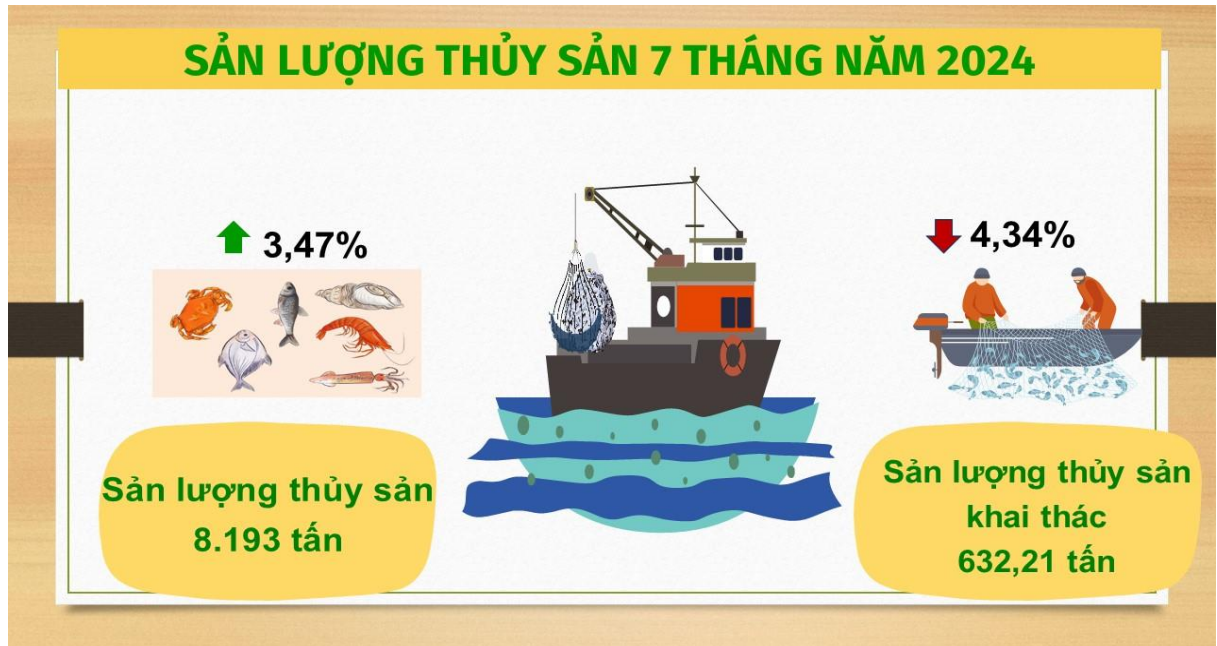
1.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản trong tháng ước đạt 1.159 tấn, tăng 0,82% so với cùng kỳ; trong đó: Sản lượng cá đạt 1.148,07 tấn, tăng 0,80% so với cùng kỳ; sản lượng Tôm đạt 6,7 tấn, tăng 3,08% so với cùng kỳ; Thủy sản khác đạt 4,23 tấn, tăng 3,93% so cùng kỳ. Tính chung 7 tháng năm 2024 sản lượng thủy sản

16.300 con gia cầm giết mổ, 19 chuyến với 11.900 thỏ chăn nuôi, 8 chuyến với 134 con ngựa chăn nuôi.

² Trong đó: 3 chuyến với 75 con bò chăn nuôi thương phẩm, 1 chuyến với 20 con bò giết mổ, 10 chuyến với 174.100 con gà 1 ngày tuổi, 4 chuyến với 50 con ngựa giết mổ, 4 chuyến với 85 con ngựa chăn nuôi và 3 chuyến với 17.000 kg chân gà.

đạt 8.192,63 tấn, tăng 3,47% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó: sản lượng khai thác ước đạt 632,21 tấn, giảm 4,34% so với cùng kỳ năm 2023.



2. Sản xuất công nghiệp

2.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)

IIP toàn ngành công nghiệp tháng 7/2024 ước tính tăng 9,11%³ so với tháng trước; tăng 9,06% so với cùng kỳ năm trước. Đây là năm có chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7 tăng cao nhất so với cùng kỳ trong vòng 3 năm qua (2022 – 2024), Cụ thể:

Biểu 01: Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 7 qua các năm (2022 đến 2024) so với cùng kỳ (%)

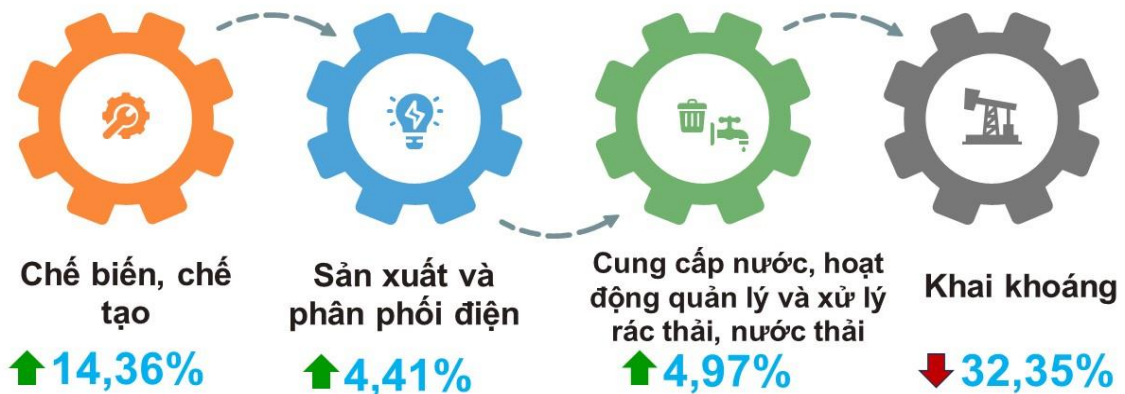
	2022	2023	2024
Toàn ngành	106,44	105,60	109,06
Khai khoáng	90,97	113,89	77,08
Chế biến, chế tạo	102,14	106,95	108,32
Sản xuất và phân phối điện	131,07	98,45	126,55
Cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	104,44	106,06	108,45

³ Trong đó: Ngành khai khoáng tăng 23,75%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 7,6%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng tăng 12,17%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,72%.

Tính chung IIP 7 tháng năm 2024, tăng 9,36% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành khai khoáng giảm 32,35%, làm giảm 3,87 điểm phần trăm mức tăng chung; ngành chế biến, chế tạo tăng 14,63%, đóng góp 12,4 điểm phần trăm; ngành sản xuất, phân phối điện tăng 4,41%, đóng góp 0,74 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý nước thải, rác thải tăng 4,97%, đóng góp 0,09 điểm phần trăm.

CHỈ SỐ SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP 7 THÁNG NĂM 2024

Chỉ số công nghiệp toàn ngành ước tăng **9,36%** so với cùng kỳ năm trước.



Trong 18 ngành công nghiệp cấp 2, có 12/18 ngành chỉ số sản xuất cộng dồn đến cuối tháng 7/2024 tăng so với cùng kỳ như: Chế biến thực phẩm tăng 0,66%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 17,27%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 1,64%; In, sao chép bản ghi các loại tăng 0,71%; sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic tăng 1,21 lần; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác tăng 6,63%; sản xuất kim loại tăng 1,67%; sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn tăng 6,5%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 51,06%⁴; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước và điều hòa không khí tăng 4,41%; khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 3,95%; hoạt động thu gom, xử lý và tiêu hủy rác thải; tái chế phế liệu tăng 6,29%,... Ở chiều ngược lại, một số ngành có chỉ số sản xuất giảm so với cùng kỳ như: Khai thác quặng kim loại giảm 75,59%; khai khoáng khác giảm 12,43%; sản xuất trang phục giảm 16,19%; sản xuất hóa chất và sản phẩm hóa chất giảm 11,88%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu giảm 13,01%; sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt và thiết bị giảm 8,53%;...

⁴ Một số DN tăng quy mô sản xuất do ký được đơn hàng mới (Cty TNHH ngành gỗ Thiên An, Cty TNHH sản xuất và đầu tư Lâm Phong, Cty TNHH tủ bếp Cao Tiếp Việt Nam; Cty TNHH công nghiệp Sunwell Việt Nam;...)

Biểu 2. Tốc độ tăng/giảm chỉ số IIP 7 tháng qua các năm (2022 đến 2024) của một số ngành công nghiệp trọng điểm so cùng kỳ năm trước (%)

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Khai thác quặng kim loại	-31,21	20,29	-75,59
Chế biến thực phẩm	-21,0	-4,03	0,66
Sản xuất trang phục	19,47	3,25	-16,19
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa	22,8	-5,79	17,27
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	-6,12	9,53	1,64
Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu	19,8	5,58	-13,01
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	-	-	121,97
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	9,75	15,69	6,63
Sản xuất kim loại	-49,41	-45,24	1,67
Sản xuất giường, tủ, bàn ghế	25,91	9,32	51,06
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng hơi nước,...	50,19	-20,02	4,41
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	7,2	6,51	3,95

2.2. Sản phẩm công nghiệp

Trong tháng 7/2024 có một số sản phẩm chính chỉ số sản xuất tăng cao so với cùng kỳ là: Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket tăng 32,95%; quần áo lót tăng 27,59%; vỏ bào, dăm gỗ tăng 1,62 lần; gỗ dán tăng 55,65%; gỗ lạng tăng 51,87 lần; dược phẩm khác chưa được phân vào đâu tăng 11,63%; sản phẩm bằng plastic còn lại chưa phân vào đâu tăng 66,46%; bê tông trộn sẵn tăng 57,89%; thanh, que bằng thép hợp kim nhôm tăng 24,69%; dịch vụ sản xuất cấu kiện bằng kim loại tăng 2,99 lần; tủ bếp bằng gỗ tăng 56,47%; điện sản xuất tăng 29,83%; điện thương phẩm tăng 9,08%;... Ở chiều ngược lại, một số sản phẩm giảm mạnh so với cùng kỳ như: Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung kết giảm 50,01%; đá phiến giảm 16,47%; chè giảm 31,91%; ván ép giảm 80,64%; giấy làm vàng mã giảm 16,35%; các loại đá lát, đá lát lẻ đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên (trừ đá phiến) giảm 16,68%; dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc giảm 27,06%;...

SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP 7 THÁNG NĂM 2024

Sản phẩm công nghiệp tăng so với cùng kỳ

Tinh bột sắn	23,63%
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ áo jacket	88,98%
Vỏ bào, dăm gỗ	45,85%
Gỗ dán	58,1%
Gỗ lạng	3,32 lần
Sản phẩm in khác	20,09%
Sản phẩm plastic còn lại chưa phân vào đâu	1,21 lần
Bê tông chộn sẵn	27,76%
Các sản phẩm bằng đá hoặc bằng các chất liệu khoáng khác chưa được phân vào đâu tăng	20,66%
Dịch vụ sản xuất cấu kiện bằng kim loại	6,26 lần
Tủ bếp bằng gỗ	85,56%
Điện thương phẩm	10,67%

Sản phẩm công nghiệp giảm so với cùng kỳ

Quặng sắt và tinh quặng sắt chưa nung	75,61%
Quặng chì và tinh quặng chì	74,36%
Đá phiến	15,11%
Quần áo lót	13,93%
Chè	23,62%
Ván ép	36,62%
Sản phẩm còn lại của ngành công nghiệp hóa chất hoặc các ngành công nghiệp có liên quan chưa được phân vào đâu	12,95%
Dược phẩm khác chưa được phân vào đâu	13,01%
Các loại đá lát, đá lát lẻ đường và phiến đá lát đường và phiến đá lát đường, bằng đá tự nhiên	15,85%
Bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên hay nhân tạo	23,08%
Bột mài hoặc đá dăm mài tự nhiên hay nhân tạo giảm	15,44%
Dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng máy móc	8,53%

2.3. Chỉ số sử dụng lao động:

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tính đến cuối tháng 7/2024 tăng 7,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Ngành khai khoáng giảm 21,18%; ngành chế biến, chế tạo tăng 17,68%; sản xuất và phân phối điện tăng 0,34%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,85% so với cùng kỳ năm trước.

Chia theo loại hình doanh nghiệp lao động doanh nghiệp nhà nước tăng 0,06%; khu vực doanh nghiệp ngoài nhà nước tăng 9,3%; doanh nghiệp FDI tăng 13,85%.

Biểu đồ 1: Chỉ số sử dụng lao động đến cuối tháng 7/2024 so cùng kỳ năm trước chia theo ngành và loại hình doanh nghiệp (%)



3. Tình hình doanh nghiệp⁵

* **Đăng ký doanh nghiệp:**

Thành lập mới doanh nghiệp: Trong tháng đã thực hiện cấp mới Giấy chứng nhận đăng ký cho 18 doanh nghiệp (bằng 85,7% cùng kỳ) với tổng số vốn đăng ký là 111,192 tỷ đồng.

Tổng số 7 tháng đã thực hiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho 189 doanh nghiệp⁶ thành lập mới (bằng 91,7% cùng kỳ, đạt 63% kế hoạch) với tổng số vốn đăng ký là 1.961,832 tỷ đồng.

Giải thể, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Trong tháng có 05 doanh nghiệp giải thể. Tổng số 7 tháng có 27 doanh nghiệp giải thể.

Doanh nghiệp ngừng kinh doanh: Hiện có 601 doanh nghiệp ngừng sản xuất kinh doanh.

Tổng số doanh nghiệp trên địa bàn: 3.365 doanh nghiệp, trong đó: Công ty TNHH : 2.202 doanh nghiệp; Công ty cổ phần: 743 doanh nghiệp; Doanh nghiệp tư nhân: 361 doanh nghiệp; Doanh nghiệp FDI: 48 doanh nghiệp; DN

⁵ Nguồn: Báo cáo Sở Kế hoạch và Đầu tư.

⁶ Chia ra: Công ty TNHH 1 thành viên: 111 DN, vốn điều lệ: 1.178,272 tỷ đồng; Công ty TNHH 2 thành viên trở lên: 27 DN, vốn điều lệ: 175,8 tỷ đồng; Công ty cổ phần: 44 DN, vốn điều lệ 584,76 tỷ đồng; Doanh nghiệp tư nhân: 07 DN, vốn đầu tư 23 tỷ đồng.

100% vốn NN (ĐP quản lý): 08 doanh nghiệp; DN 100% vốn NN (TW quản lý): 03 doanh nghiệp.

Công tác cấp ĐKKD hợp tác xã, tổ hợp tác

Hợp tác xã: Theo số liệu báo cáo của Liên minh HTX, tháng 7 có 11 HTX thành lập mới (giảm 15,3% cùng kỳ) với số vốn điều lệ 33,1 tỷ đồng và 95 thành viên; có 01 HTX giải thể. Tổng số 07 tháng có 60 HTX thành lập mới với số vốn điều lệ 133,8 tỷ đồng và 484 thành viên, 7 tháng 05 HTX giải thể.

Tổng số hợp tác xã hiện có trên toàn tỉnh là 782 hợp tác xã, vốn điều lệ 1.892,38 tỷ đồng với tổng số thành viên là 33.300 người.

Tổ hợp tác: Trong tháng có 104 THT thành lập mới, tăng 15,5% so với cùng kỳ; tính chung 7 tháng có 404 THT thành lập mới. Tổng số hiện nay trên địa bàn toàn tỉnh có 5.684 tổ hợp tác.

**** Tình hình thực hiện Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 14/4/2020 và Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh.***

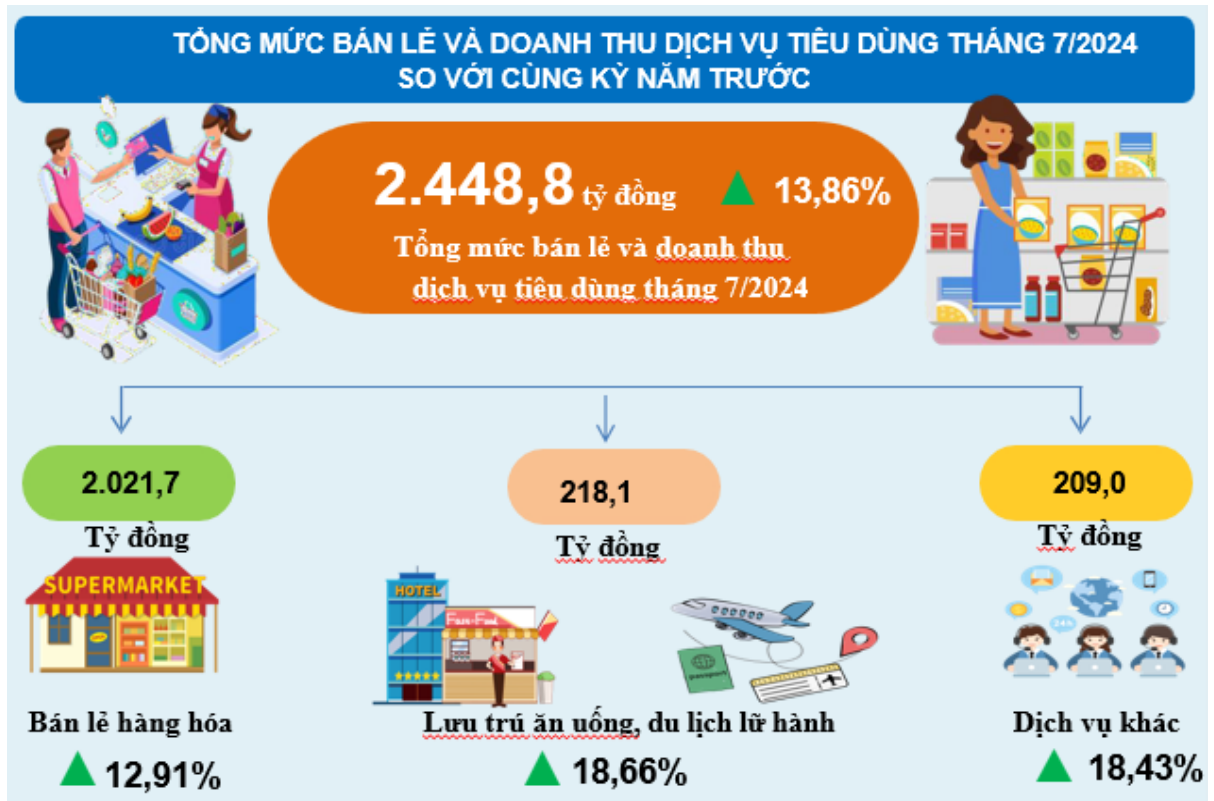
Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 14/4/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2020-2025. Trong 7 tháng năm 2024 đã thực hiện hỗ trợ cho 02 DNNVV thành lập mới trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh với tổng kinh phí là 83,5 triệu đồng; tính đến nay đã thực hiện hỗ trợ cho 35 DNNVV thành lập mới trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh với tổng kinh phí là 1.396,2 triệu đồng.

Tiếp tục triển khai thực hiện Nghị quyết số 06/2021/NQ-HĐND ngày 19/4/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành một số chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể tỉnh Yên Bái giai đoạn 2021-2025. Trong 7 tháng năm 2024 đã thực hiện hỗ trợ cho 14 hợp tác xã với tổng kinh phí là 264,0 triệu đồng; tính đến nay đã thực hiện hỗ trợ cho 101 hợp tác xã với tổng kinh phí là 1.874,0 triệu đồng.

4. Thương mại, vận tải

4.1. Thương mại

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7 năm 2024 ước đạt 2.448,8 tỷ đồng, tăng 0,99% so với tháng trước, tăng 13,86% so với cùng kỳ năm trước, Trong đó: Bán lẻ hàng hóa ước đạt 2.021,7 tỷ đồng, chiếm 82,56% trong tổng số tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ; Dịch vụ lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 218,1 tỷ đồng, chiếm 8,91% trong tổng số doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ; Dịch vụ khác ước đạt 209,0 tỷ đồng, chiếm 8,53% trong tổng số tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ.



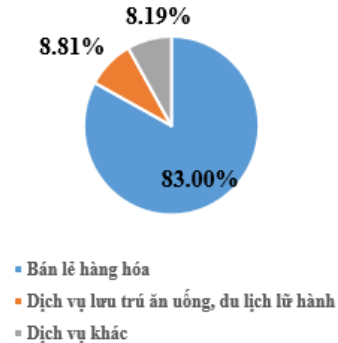
Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 16.622,8 tỷ đồng, tăng 10,53% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Bán lẻ hàng hóa ước đạt 13.797,6 tỷ đồng, chiếm 83,0% trong tổng số doanh thu tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ, tăng 9,64% so cùng kỳ; Dịch vụ lưu trú ăn uống, du lịch lữ hành ước đạt 1.464,1 tỷ đồng, chiếm 8,81%, tăng 17,65% so cùng kỳ; Dịch vụ khác ước đạt 1.361,1 tỷ đồng, chiếm 8,19%, tăng 12,48% so cùng kỳ năm trước.

Biểu đồ 2: Cơ cấu Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024 (%)

Cơ cấu doanh thu Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tháng 7 năm 2024



Cơ cấu doanh thu Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ 7 tháng đầu năm 2024



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng chia theo từng ngành hoạt động như sau:

Tổng mức bán lẻ hàng hoá: Tổng mức bán lẻ trên địa bàn tỉnh Yên Bái tháng 7/2024 ước đạt 2.021,7 tỷ đồng, tăng 0,99% so tháng trước, tăng 12,91% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ô tô các loại đạt 289,7 tỷ đồng, tăng 3,54% so tháng trước, tăng 15,25% so với cùng kỳ năm trước; Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) đạt 54,0 tỷ đồng, tăng 0,21% so tháng trước, tăng 3,94% so cùng kỳ năm trước; Lương thực, thực phẩm đạt 553,9 tỷ đồng, tăng 0,28% so tháng trước, tăng 10,53% so cùng kỳ năm trước; Hàng may mặc đạt 128,4 tỷ đồng, tăng 1,01% so tháng trước, tăng 15,32% so với cùng kỳ năm trước; Đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình 254,8 tỷ đồng, tăng 0,64% so tháng trước, tăng 11,26% so cùng kỳ năm trước; Vật phẩm văn hóa giáo dục đạt 27,4 tỷ đồng, tăng 1,98% so tháng trước, tăng 7,88% so cùng kỳ năm trước; Gỗ và vật liệu xây dựng đạt 266,8 tỷ đồng, tăng 0,84% so tháng trước, tăng 11,24% so cùng kỳ năm trước; Xăng dầu các loại ước đạt 208,9 tỷ đồng, tăng 0,5% so tháng trước, tăng 25,21% so cùng kỳ năm trước; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) đạt 82,3 tỷ đồng, tăng 0,47% so tháng trước, tăng 12,32% so cùng kỳ năm trước; Đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 30,7 tỷ đồng, tăng 0,73% so tháng trước, tăng 13,22% so cùng kỳ năm trước; Hàng hóa khác đạt 62,6 tỷ đồng, tăng 0,81% so tháng trước, tăng 11,5% so cùng kỳ năm trước; Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 61,9 tỷ đồng, tăng 0,71% so tháng trước, tăng 8,99% so cùng kỳ năm trước.

Tính chung tổng mức bán lẻ hàng hóa 7 tháng đầu năm 2024 đạt 13.797,6 tỷ đồng, tăng 9,64% so năm trước. Trong đó: ô tô các loại đạt 1.886,1 tỷ đồng, tăng 0,03% so năm trước; phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng) đạt 374,4 tỷ đồng, tăng 1,44% so năm trước; lương thực, thực phẩm đạt 3.842,0 tỷ đồng, tăng 17,21% so năm trước; hàng may mặc đạt 870,1 tỷ đồng, tăng 10,25% so năm trước; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình đạt 1.766,2 tỷ đồng, tăng 9,56% so năm trước; vật phẩm văn hóa giáo dục đạt 185,1 tỷ đồng, tăng 3,85% so năm trước; gỗ và vật liệu xây dựng đạt 1.830,0 tỷ đồng, tăng 9,62% so năm trước; xăng dầu các loại đạt 1.427,3 tỷ đồng, tăng 10,69% so năm trước; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) đạt 565,2 tỷ đồng, tăng 5,66% so năm trước; đá quý, kim loại quý và sản phẩm đạt 205,6 tỷ đồng, tăng 9,49% so năm trước; hàng hóa khác đạt 425,2 tỷ đồng, tăng 7,62% so năm trước; sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác đạt 420,2 tỷ đồng, tăng 6,21% so năm trước.

Doanh thu hoạt động dịch vụ: Doanh thu hoạt động dịch vụ tháng 7/2024 ước đạt 209,0 tỷ đồng, tăng 0,46% so tháng trước, tăng 18,43% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu dịch vụ kinh doanh bất động sản đạt 14,2 tỷ đồng, tăng 0,71% so tháng trước, tăng 8,9% so cùng kỳ năm trước; dịch vụ hành chính

và dịch vụ hỗ trợ đạt 27,9 tỷ đồng, tăng 1,17% so tháng trước, tăng 11,11% so cùng kỳ năm trước; Giáo dục và đào tạo đạt 4,6 tỷ đồng, tăng 2,43% so tháng trước, tăng 26,28% so cùng kỳ năm trước; Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt 27,1 tỷ đồng, tăng 0,21% so tháng trước, tăng 16,38% so cùng kỳ năm trước; Nghệ thuật, vui chơi giải trí đạt 28,2 tỷ đồng, tăng 0,54% so tháng trước, tăng 10,67% so cùng kỳ năm trước; dịch vụ khác đạt 107,0 tỷ đồng, tăng 0,21% so tháng trước, tăng 24,52% cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, doanh thu hoạt động dịch vụ đạt 1.361,1 tỷ đồng, tăng 12,48% so năm trước. Trong đó: So cùng kỳ năm trước doanh thu kinh doanh bất động sản đạt 95,2 tỷ đồng, tăng 5,78%; dịch vụ hành chính và dịch vụ hỗ trợ đạt 188,1 tỷ đồng, tăng 8,56%; giáo dục và đào tạo đạt 31,1 tỷ đồng, tăng 11,18%; y tế và hoạt động trợ giúp xã hội đạt 184,3 tỷ đồng, tăng 14,51%; nghệ thuật, vui chơi và giải trí đạt 192,2 tỷ đồng, tăng 10,56%; dịch vụ khác đạt 670,2 tỷ đồng, tăng 14,75% so cùng kỳ năm trước.

Doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành: Dự ước doanh thu hoạt động dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành tháng 7/2024 đạt 218,1 tỷ đồng, tăng 0,25% so tháng trước, tăng 18,66% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 18,4 tỷ đồng, tăng 0,85% so tháng trước, tăng 49,68% so cùng kỳ năm trước; dịch vụ ăn uống đạt 199,1 tỷ đồng, tăng 0,18% so tháng trước, tăng 16,17% so cùng kỳ năm trước; Doanh thu thuần dịch vụ du lịch lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch đạt 0,6 tỷ đồng, tăng 4,76% so tháng trước, tăng 4,6 lần so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, doanh thu lưu trú, ăn uống, lữ hành 7 tháng đầu năm 2024 ước đạt 1.464,1 tỷ đồng, tăng 17,65% so cùng kỳ năm trước. Trong đó: Doanh thu dịch vụ lưu trú đạt 121,3 tỷ đồng, tăng 47,37% so cùng kỳ năm trước; ăn uống đạt 1.340,4 tỷ đồng, tăng 15,43% so cùng kỳ năm trước, doanh thu thuần dịch vụ du lịch lữ hành và các dịch vụ hỗ trợ du lịch đạt 2,4 tỷ đồng, tăng 2,8 lần so với cùng kỳ năm trước.

Lượt khách phục vụ 7 tháng đầu năm 2024 ước đạt 750.830 lượt khách, tăng 48,11% so năm trước; ngày khách phục vụ ước đạt 259.682 ngày khách, tăng 38,46% so năm trước. Lượt khách du lịch theo tour ước đạt 1.022 lượt khách, tăng 4,1 lần so với năm trước; ngày khách theo tour đạt 1.360 ngày khách, tăng 3,5 lần so với năm trước.

4.2. Tình hình vận tải

Hoạt động vận tải tháng 7/2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái khá sôi động đáp ứng nhu cầu đi lại của người dân trong mùa cao điểm du lịch và vận chuyển hàng hóa phục vụ sản xuất, xuất khẩu và tiêu dùng.

Dự ước doanh thu vận tải, kho bãi, bưu chính chuyển phát tháng 7/2024 đạt 202.980,4 triệu đồng, tăng 0,39% so tháng trước, tăng 21,94% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024 doanh thu vận tải, kho bãi, bưu chính chuyển phát đạt 1.395.226,5 triệu đồng, tăng 22,95% so với cùng kỳ năm trước, và tăng chủ yếu ở vận tải đường bộ.



Vận tải hàng hoá: Ước tính tháng 7/2024 khối lượng hàng hoá vận chuyển của toàn tỉnh (khu vực kinh tế ngoài nhà nước) bao gồm cả đường bộ và đường sông đạt: 1.364,1 nghìn tấn; 36.802,3 nghìn tấn.km; 144.276,8 triệu đồng. So với tháng trước tăng 0,36% về tấn, tăng 0,35% về tấn.km, tăng 0,21% về doanh thu; so với cùng kỳ tăng 19,58% về tấn, tăng 19,59% về tấn.km, tăng 19,37% về doanh thu. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024 khối lượng hàng hoá vận chuyển đạt: 9.335,2 nghìn tấn; 255.011,5 nghìn tấn.km; 1.002.324 triệu đồng. So cùng kỳ năm trước tăng 20,17% về tấn, tăng 20,75% về tấn.km, tăng 20,97% về doanh thu.

Vận tải hành khách: Ước thực hiện tháng 7/2024 đạt: 1.124,0 nghìn người; 75.819,5 nghìn người.km; 52.156,0 triệu đồng. So với tháng trước tăng 0,65% về người, tăng 0,48% về người.km, tăng 0,92% về doanh thu; so với cùng kỳ năm trước tăng 33,45% về người, tăng 32,32% về người.km, tăng 29,39% về doanh thu. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024 khối lượng hành khách vận chuyển đạt: 7.377,8 nghìn người; 500.972,7 nghìn người.km; 348.737,0 triệu đồng. So cùng kỳ năm trước tăng 29,48% về người, tăng 30,14% về người.km, tăng 28,22% về doanh thu.

5. Xuất nhập khẩu⁷

* *Giá trị xuất khẩu*: Ước giá trị xuất khẩu tháng 7/2024 đạt 37,5 triệu USD, tăng 3,5% so thực hiện tháng trước, tăng 28% so cùng kỳ, đạt 101% so với kịch bản tháng 7. Cụ thể:

Biểu 3: Xuất khẩu tháng 7/2024

		Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Tăng giảm (+/-) so với cùng kỳ (%)
	Tổng số	37,558	100	28,57
1	Nhóm nông, lâm sản, NLS chế biến	12,597	33,54	14,56
2	Nhóm CN và chế biến khoáng sản	16,550	44,07	93,59
3	Nhóm sản phẩm may mặc	5,350	14,24	-18,16
4	Nhóm sản phẩm hạt nhựa, chất dẻo	3,061	8,15	-2,20

Lũy kế 7 tháng ước đạt 235,823 triệu USD, tăng 30% so cùng kỳ (tương đương 54,42 triệu USD). Cụ Thể:

Biểu 4: Xuất khẩu 7 tháng đầu năm 2024

		Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Tăng giảm (+/-) so với cùng kỳ (%)
	Tổng số	235,823	100	30,01
1	Nhóm nông, lâm sản, NLS chế biến	82,079	34,81	0,30
2	Nhóm CN và chế biến khoáng sản	89,379	37,90	114,58
3	Nhóm sản phẩm may mặc	39,754	16,86	8,16
4	Nhóm sản phẩm hạt nhựa, chất dẻo	24,611	10,44	16,36

* *Giá trị nhập khẩu*: Ước giá trị nhập khẩu tháng 7 năm 2024 đạt 16 triệu USD, tăng 6% so tháng trước tăng 45% so cùng kỳ. Lũy kế nhập khẩu 7 tháng đầu năm ước đạt 102 triệu USD, tăng 59% so cùng kỳ.

6. Thu, chi ngân sách⁸

Thực hiện thu ngân sách trên địa bàn 7 tháng đầu năm 2024 ước đạt 2.066,5 tỷ đồng, bằng 58,6% dự toán Trung ương giao, bằng 39,0% dự toán tỉnh giao và bằng 122,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Thu cân đối ngân sách là 1.294,4 tỷ đồng, bằng 64,7% dự toán Trung ương, bằng 49,3% dự toán tỉnh

⁷ Nguồn: Báo cáo Sở Công thương tỉnh Yên Bái.

⁸ Nguồn: Báo cáo Sở Tài chính tỉnh Yên Bái.

giao và bằng 106,2% so với cùng kỳ. Thu tiền thuê đất trả tiền một lần là 3,0 tỷ đồng, bằng 19,6% so với cùng kỳ. Thu xổ số kiến thiết là 20,9 tỷ đồng, bằng 48,7% so với dự toán Trung ương giao, bằng 41,9% dự toán tỉnh giao và bằng 87,6% so với cùng kỳ. Thu tiền sử dụng đất là 520,1 tỷ đồng, bằng 49,5% dự toán Trung ương giao, bằng 25,2% so với dự toán tỉnh giao và bằng 171,8% so với cùng kỳ. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu là 228,0 tỷ đồng, bằng 53,0% dự toán Trung ương, bằng 40,7% dự toán tỉnh giao và bằng 183,6% so với cùng kỳ.

Tổng chi ngân sách địa phương 7 tháng đầu năm 2024 ước đạt 8.023,8 tỷ đồng, bằng 61,8% dự toán Trung ương giao, bằng 54,9% dự toán tỉnh giao và bằng 105,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Chi đầu tư phát triển đạt 1.636,4 tỷ đồng, bằng 92,3% dự toán Trung ương giao, bằng 58,6% dự toán tỉnh giao và bằng 74,0% so cùng kỳ. Chi thường xuyên đạt 4.198,1 tỷ đồng, bằng 48,4% dự toán Trung ương, bằng 47,4% dự toán tỉnh giao và bằng 121,9% so với cùng kỳ. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính 1,2 tỷ đồng, bằng 100% dự toán trung ương, dự toán tỉnh và cùng kỳ. Chi bổ sung có mục tiêu đạt 2.121,7 tỷ đồng, bằng 91,9% so với dự toán trung ương và dự toán tỉnh giao, bằng 110,4% so với cùng kỳ.



7. Ngân hàng, tín dụng⁹

Tình hình thực hiện lãi suất: Trong tháng 7/2024, các chi nhánh ngân hàng và QTDND trên địa bàn tiếp tục chấp hành nghiêm túc các quy định về lãi suất theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Hội sở chính.

Lãi suất huy động vốn: Mức lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của các chi nhánh NHTM, QTDND hiện nay ở mức 0,1% đến 0,5%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn; lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến dưới 6 tháng của các chi nhánh ngân hàng là 1,7%/năm đến 3,55%/năm; kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới

⁹ Nguồn: Báo cáo Ngân hàng nhà nước chi nhánh tỉnh Yên Bái.

12 tháng ở mức 2,9% đến 5,3%/năm; kỳ hạn từ 12 tháng đến 24 tháng ở mức từ 4,60% đến 5,7%; Kỳ hạn 36 tháng ở mức 4,65% đến 6,0%/năm.

Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay ngắn hạn đối với 05 lĩnh vực ưu tiên của các chi nhánh ngân hàng ở mức 4%/năm; cho vay ngắn hạn sản xuất kinh doanh từ 5,3%/năm đến 9,5%/năm; Cho vay trung, dài hạn ở mức từ 5,0%/năm đến 13,4%/năm; cho vay tiêu dùng ở mức từ 5,0%/năm đến 13,4%/năm.

Hoạt động huy động vốn: Đến 30/6/2024, tổng nguồn vốn của các chi nhánh ngân hàng và QTDND trên địa bàn đạt 52.216 tỷ đồng, tăng 4,65% so với 31/12/2023, trong đó: Nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 33.292 tỷ đồng, tăng 5,39% so với 31/12/2023 chiếm tỷ trọng 63,8% trên tổng nguồn vốn; các chi nhánh ngân hàng, QTDND luôn đáp ứng tốt được nhu cầu vay vốn của các khách hàng. Ước đến 31/7/2024, tổng nguồn vốn của các chi nhánh ngân hàng và QTDND trên địa bàn đạt 53.000 tỷ đồng, tăng 6,22% so với 31/12/2023 trong đó: Nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 33.800 tỷ đồng, tăng 7% so với 31/12/2023.

Hoạt động cho vay: Đến 30/6/2024, tổng dư nợ cho vay của các chi nhánh ngân hàng và QTDND trên toàn địa bàn đạt 46.172 tỷ đồng, tăng 11,18% so với 31/12/2023, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 20.520 tỷ đồng, chiếm 44,4% tổng dư nợ; Dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 25.652 tỷ đồng, chiếm 55,6% tổng dư nợ. Ước đến 31/7/2024, tổng dư nợ cho vay trên toàn địa bàn đạt 46.800 tỷ đồng, tăng 12,69% so với 31/12/2023, trong đó: Dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 20.900 tỷ đồng, tăng 7,22% so với 31/12/2023, chiếm 44,66% tổng dư nợ; Dư nợ cho vay trung và dài hạn đạt 25.900 tỷ đồng, tăng 17,52% so với 31/12/2023, chiếm 55,34% tổng dư nợ. Chủ yếu cho vay bằng VND chiếm 99,1% tổng dư nợ.

Chất lượng tín dụng: Các chi nhánh ngân hàng và QTDND tiếp tục thường xuyên rà soát, đánh giá, phân loại khách hàng, đồng thời tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp tích cực để thu hồi và xử lý nợ xấu, kiểm soát nợ xấu. Các chi nhánh ngân hàng, QTDND chấp hành nghiêm túc tỷ lệ an toàn vốn, tính thanh khoản.

Tỷ lệ nợ xấu nội bảng đến 30/6/2024 chiếm 0,46% tổng dư nợ, tăng 0,15% so với 31/12/2023.

Kết quả thực hiện các chương trình, chính sách tín dụng tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ và phát triển kinh tế - xã hội: Trong tháng 7/2024, Chi nhánh đã chỉ đạo các chi nhánh ngân hàng, QTDND trên địa bàn tỉnh tiếp tục triển khai thực hiện Thông tư số 06/2024/TT- NHNN ngày 18/6/2024 của NHNN Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02/2023/TT-NHNN ngày 23/4/2023 của NHNN Việt Nam quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó

khẩn, đến 30/6/2024 đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với 26 lượt khách hàng với tổng dư nợ (gốc, lãi) được cơ cấu lại và giữ nguyên nhóm nợ là 115,45 tỷ đồng.

8. Vốn đầu tư

* Dự tính vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 7/2024 đạt 387.485 triệu đồng, tăng 6,35% so với tháng trước, tăng 10,65% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh thực hiện được 303.035 triệu đồng, chiếm 78,2%, tăng 5,54% so với tháng trước, tăng 12,18% so với cùng kỳ.

Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện thực hiện được 80.125 triệu đồng, chiếm 20,68%, tăng 9,44% so với tháng trước, tăng 4,8% so với cùng kỳ.

Vốn ngân sách nhà nước cấp xã thực hiện được 4.325 triệu đồng, chiếm 1,12%, tăng 7,56% so với tháng trước, tăng 19,44% so với cùng kỳ.

* Tiến độ thi công một số công trình dự án, trọng điểm của tỉnh, của huyện được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước như sau:

Dự án đường nối Quốc Lộ 32 với đường cao tốc Nội Bài - Lào Cai (nút giao IC15) hiện đang còn 22/243 hộ chưa được kiểm đếm.

Dự án đường nối quốc lộ 32 (thị xã Nghĩa Lộ) với đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai (IC14): Gói thầu số 14 (đoạn từ km5-km11+800) và Khu tái định cư số 02 và số 03 đang tổ chức thi công nền đường, giá trị thực hiện đến nay ước đạt đến nay là 19.200/189.481 triệu đồng, đạt 10,13% giá trị hợp đồng; Gói thầu số 13 (đoạn Km0-Km5 và khu tái định cư số 01) đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu, đang triển khai công tác giải phóng mặt bằng, dự kiến khởi công trong quý II năm 2024.

Dự án Nút giao IC13 cao tốc Nội Bài - Lào Cai: Hiện phần đường dẫn (đường nối tỉnh lộ 163 với cao tốc Nội Bài – Lào Cai) đang triển khai thi công nền, mặt đường, công trình thoát nước, giá trị xây lắp thực hiện đến nay ước đạt 51.600/143.120 triệu đồng, đạt 36% giá trị hợp đồng; Phần nút giao: đang triển khai thi công nền, móng đường các nhánh lên, xuống cao tốc, giá trị xây lắp ước đạt 29.700/74.240 triệu đồng, đạt 39,9% giá trị hợp đồng. Giải ngân đạt 71,87% kế hoạch vốn. Công trình dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2024.

Dự án đường nối Quốc Lộ 37, Quốc Lộ 32 với cao tốc Nội Bài - Lào Cai (IC 14, IC15): Về khối lượng thi công, tại gói thầu số 09 (lý trình từ km0-km2) hiện đang triển khai thi công nền đường đoạn từ km1+100 – km1+700m. Đến nay, thi công khối lượng đào nền đường 3.500/304.500 m³, giá trị mới đạt 100/62.685 triệu đồng (0,16%). Tại gói thầu số 10 (lý trình km2-km4+150) hiện đang thi công nền đường đoạn km4-km4+150 và đoạn km3+850, khối lượng đào nền đường đạt 23.000/488.900m³, giá trị thực hiện ước đạt 1.000/140.003 triệu đồng (0,7%). Công trình dự kiến hoàn thành vào tháng 12/2024.

Dự án đầu tư xây dựng công trình đường nối Mường La (Sơn La), Than Uyên, Tân Uyên (Lai Châu), Mù Cang Chải, Văn Chấn, Văn Yên (Yên Bái) với đường cao tốc Nội Bài- Lào Cai: Đoạn I (Km0-Km30) gồm 03 gói thầu xây lắp (gói thầu số 14,15,16), hiện đang triển khai thi công nền đường, công trình thoát nước. Giá trị thực hiện ước đạt 71.200/843.371 triệu đồng, đạt 8,44%; Đoạn II (Km30-Km68+950): gồm 04 gói thầu xây lắp (gói thầu số 23,24,25), trong đó gói 01 (gói thầu số 25, đoạn từ Km60-Km68+950) đang triển khai thi công nền đường, công trình thoát nước, giá trị thực hiện của gói thầu ước đạt 45.100/165.396 triệu đồng, đạt 27,27%, 03 gói thầu còn lại chủ yếu đang tập trung giải phóng mặt bằng và làm đường công vụ.

Dự án cầu Tô Mậu Huyện Lục Yên: Hiện đã hoàn thiện lễ đường và thanh thải dòng chảy để bàn giao công trình đưa vào sử dụng, giá trị thực hiện ước đạt đến nay là 45.221/48.611 triệu đồng, đạt 93,8%, Dự án hoàn thành vào cuối tháng 6/2024. Hiện nay đang hoàn thiện các thủ tục để bàn giao cho đơn vị quản lý, khai thác.

Dự án Trụ sở Tỉnh ủy và các ban Đảng: dự kiến sẽ hoàn thành vào cuối năm 2024.

Dự án Trung tâm Hội nghị tỉnh Yên Bái: Hiện dự án đã thực hiện xong phần móng và toàn bộ tầng âm trong tòa nhà, tầng nổi đang tiến hành đổ trụ và ép sắt.

* Về tiến độ giải ngân các nguồn vốn thuộc khu vực Nhà nước qua hệ thống TABMIS của Kho bạc Nhà nước từ đầu năm đến hết ngày 30/6/2024 đạt 2.038,8 tỷ đồng, đạt 36,02% kế hoạch vốn đã được phân bổ là 5.659,9 tỷ đồng (thời điểm 30/6/2023 đạt 1.885,4 tỷ đồng, đạt 30,83% kế hoạch vốn đã được phân bổ). Trong đó nguồn vốn trong nước do trung ương và địa phương quản lý lần lượt đạt 19,36% và 44,08%. Riêng nguồn vốn nước ngoài (ODA) mới đạt 12,66%, vốn trung ương hỗ trợ có mục tiêu đạt 30,66%, vốn chương trình mục tiêu quốc gia đạt 68,59%. Như vậy tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công 6 tháng đầu năm 2024 còn thấp do vốn sử dụng đất, vốn nước ngoài chưa hoàn thiện các thủ tục thanh toán.

* Dự tính vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý 7 tháng đầu năm 2024 đạt 2.070.957 triệu đồng, đạt 38,01% kế hoạch, tăng 2,94% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Vốn ngân sách nhà nước cấp tỉnh đạt 1.635.084 triệu đồng¹⁰, đạt 39,85% kế hoạch năm 2024, tăng 2,99% so với cùng kỳ.

Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện đạt 413.290 triệu đồng, đạt 31,4% kế hoạch năm 2024, tăng 2,37% so với cùng kỳ.

¹⁰ Trong đó: Vốn cân đối ngân sách tỉnh thực hiện được 604.536 triệu đồng, đạt 34,27% kế hoạch, tăng 9,03% so với cùng kỳ; vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu thực hiện được 696.191 triệu đồng, đạt 36,92% kế hoạch, giảm 0,83% so với cùng kỳ; vốn nước ngoài (ODA) thực hiện được 62.301 triệu đồng, đạt 21,66% kế hoạch, tăng 6,01% so với cùng kỳ; vốn xổ số kiến thiết thực hiện được 30.836 triệu đồng, đạt 61,67% kế hoạch, giảm 5,24% so với cùng kỳ; vốn khác thực hiện được 241.220 triệu đồng, tăng 1,08 lần so với kế hoạch, tăng 0,58% so với cùng kỳ.

Vốn ngân sách nhà nước cấp xã đạt 22.583 triệu đồng, đạt 75,28% kế hoạch năm 2024, tăng 10,31% so với cùng kỳ.



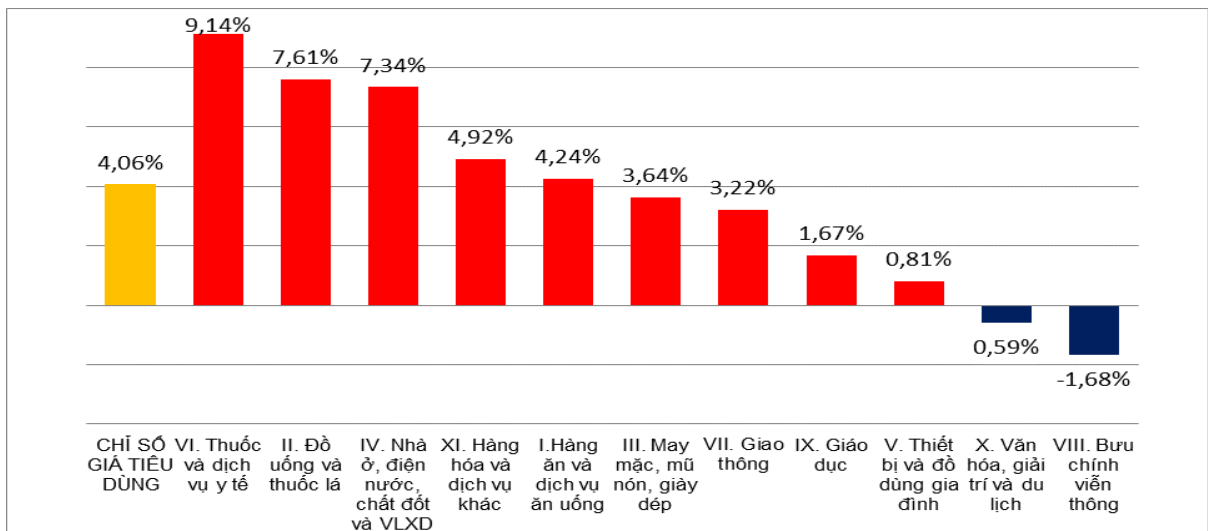
9. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI), chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI):

CPI tháng 7/2024 so với tháng trước tăng 0,06% (khu vực thành thị tăng 0,12%; khu vực nông thôn tăng 0,02%); Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 04 nhóm hàng tăng giá, 06 nhóm có chỉ số giá tiêu dùng giảm và 01 nhóm chỉ số giá ổn định.

CPI tháng 7/2024 so với cùng kỳ năm trước tăng 4,06%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 09 nhóm tăng giá và 02 nhóm giảm giá, cụ thể:

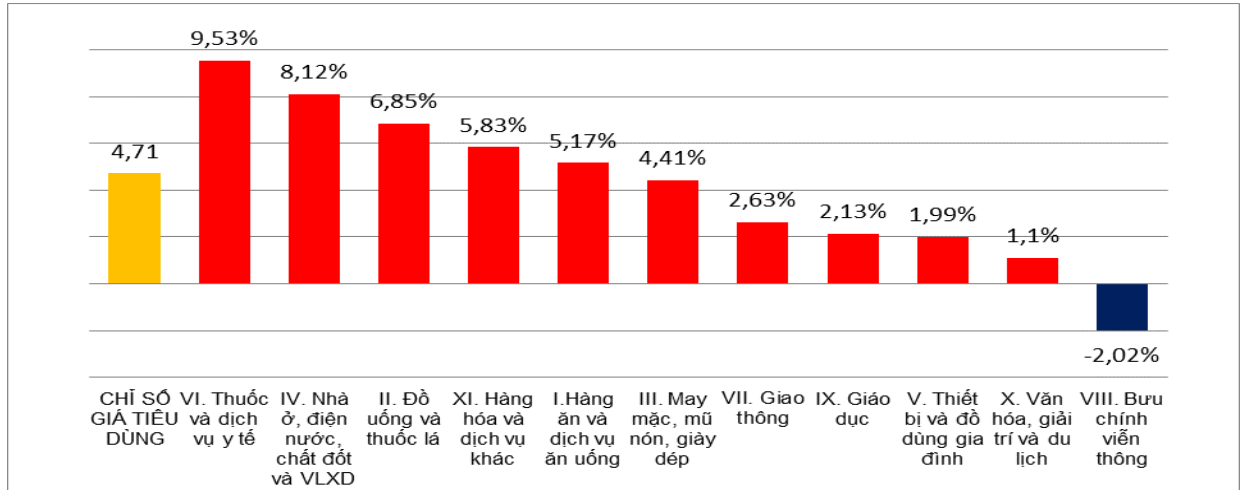
Biểu đồ 3: Tốc độ tăng/giảm CPI tháng 7/2024 so với cùng kỳ năm trước



So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 7 tháng có xu hướng tăng so với cùng kỳ nguyên nhân chủ yếu do sự biến động của giá xăng dầu trong

nước theo giá xăng dầu thế giới và giá các mặt hàng lương thực, thực phẩm tăng theo giá xuất khẩu, giá dịch vụ y tế tăng theo quy định của Y tế, giá bảo hiểm y tế tăng theo giá lương cơ sở khiến tháng 01 tăng 4,01%; tháng 02 tăng 4,71%; tháng 3 tăng 4,93%; tháng 4 tăng 5,28%; tháng 5 tăng 5,15%; tháng 6 tăng 4,86% và tháng 7 tăng 4,06% so với cùng kỳ. Tính chung bình quân 7 tháng năm 2024, CPI tăng 4,71% so với cùng kỳ năm 2023.

Biểu đồ 4: Tốc độ tăng/giảm CPI 7 tháng năm 2024 so với cùng kỳ năm trước



Chỉ số giá vàng: Giá vàng trong nước biến động theo giá vàng thế giới, bình quân giá vàng tháng 7/2024 tăng 1,80% so với tháng trước, tăng 34,98% so với cùng kỳ năm trước; Tính chung 7 tháng năm 2024 giá vàng tăng 26,77%.

Chỉ số giá đô la Mỹ: Tỷ giá giữa VND và USD tháng 7/2024 theo hệ thống Ngân hàng Thương mại, so với tháng trước giảm 0,22%, so với cùng kỳ năm trước tăng 6,57%; Tính chung 7 tháng năm 2024 giá đô la Mỹ tăng 5,65%.

10. Một số vấn đề xã hội

Tình hình văn hoá - xã hội tháng 7 đầu năm 2024 trên địa bàn tỉnh nhìn chung ổn định, các hoạt động về giáo dục, văn hoá, thể thao, an sinh xã hội... diễn ra bình thường. Công tác phòng chống dịch bệnh, nhất là dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được các địa phương chú trọng.

10.1. Lao động việc làm, bảo đảm an sinh xã hội¹¹

Kết quả giải quyết việc làm: Tháng 7/2024 đã giải quyết việc làm cho 2.015 lao động; trong đó từ chương trình phát triển kinh tế xã hội 899 người, vay vốn quỹ quốc gia giải quyết việc làm 300 người, xuất khẩu lao động 27 người, cung ứng lao động tỉnh ngoài 789 người.

Lũy kế đến tháng 7/2024 đã giải quyết việc làm cho 15.589 lao động, đạt 77,9% kế hoạch, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó từ chương trình phát

¹¹ Nguồn: Báo cáo Sở Lao động-TB và XH tỉnh Yên Bái.

triển kinh tế xã hội 6.763 người, vay vốn Quỹ quốc gia giải quyết việc làm 2.450 người, xuất khẩu lao động 351 người, cung ứng lao động tỉnh ngoài 6.025 người.

Công tác quản lý Bảo hiểm thất nghiệp:

Tháng 7/2024, số người được giải quyết chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp là 394 người, với tổng số tiền trợ cấp thất nghiệp 5,87 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 02 người, với số tiền 15 triệu đồng; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 341 lao động.

Lũy kế đến tháng 7/2024, số người được giải quyết chế độ trợ cấp bảo hiểm thất nghiệp là 2.577 người, với tổng số tiền trợ cấp thất nghiệp là 42,35 tỷ đồng; hỗ trợ học nghề cho 33 người, với số tiền 183 triệu đồng; số người được tư vấn, giới thiệu việc làm là 2.198 lao động.

Kết quả đào tạo nghề:

Tháng 7/2024, đã tuyển sinh đào tạo nghề cho 1.807 người; trong đó: cao đẳng 181 người, trung cấp 181 người, trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng 1.445 người (trong đó hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 60 người).

Lũy kế đến tháng 7/2024, đã tuyển sinh đào tạo nghề cho 12.386 người, đạt 68,8% kế hoạch, tăng 0,02% so với cùng kỳ năm trước; trong đó: Cao đẳng 623 người, trung cấp 1.022 người, trình độ sơ cấp và đào tạo nghề dưới 3 tháng 10.741 người (trong đó hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn là 345 người).

Công tác giảm nghèo

Kết quả triển khai Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 20/2/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về hỗ trợ nhà ở cho hộ gia đình người có công với cách mạng và triển khai Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Yên Bái năm 2024: Đến tháng 7/2024, 5/5 địa phương đã tiến hành khởi công làm nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo với tổng số nhà đã khởi công là 1.119/1.424 nhà (gồm 837 nhà làm mới và 282 nhà sửa chữa), đạt 78,6% Kế hoạch năm, trong đó huyện Văn Chấn đã khởi công 128 nhà, thị xã Nghĩa Lộ 59 nhà, Lục Yên 185 nhà, Trạm Tấu 183 nhà, Mù Cang Chải 508 nhà; tổng số nhà đã hoàn thành là 531 nhà (gồm 373 nhà làm mới và 158 nhà sửa chữa), trong đó huyện Văn Chấn 65 nhà, thị xã Nghĩa Lộ 23 nhà, Lục Yên 72 nhà, Trạm Tấu 30 nhà, Mù Cang Chải 341 nhà.

Công tác bảo trợ xã hội

Trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng: Đến tháng 7/2024, toàn tỉnh hiện có 31.270 đối tượng bảo trợ xã hội đang được hưởng trợ cấp hàng tháng tại cộng đồng; 100% đối tượng BTXH được cấp thẻ BHYT theo quy định. Kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp xã hội cho các đối tượng trong 7 tháng đầu năm 2024 trên 121,5 tỷ đồng.

Trợ giúp tại Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội: Thực hiện quản

lý, chăm sóc, nuôi dưỡng chu đáo, an toàn 147 đối tượng tại Trung tâm CTXH&BTXH (Trong đó: NCT: 32 cụ, trẻ em có HCDB: 63 cháu, người khuyết tật: 25 người, đối tượng tự nguyện: 27 người).

Hỗ trợ khẩn cấp: Trong 7 tháng đầu năm 2024 toàn tỉnh đã thực hiện hỗ trợ khẩn cấp cho 40 cá nhân, hộ gia đình bị thiệt hại về người và nhà ở do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn rủi ro bất khả kháng và vụ tai nạn lao động tại Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái với tổng kinh phí 822 triệu đồng.

Hỗ trợ gạo cứu đói: Qua rà soát đã xác định có 1.375 hộ với 4.340 khẩu có nguy cơ thiếu đói, tổng số gạo cần hỗ trợ là 65.110 kg (dịp Tết Nguyên đán có 854 hộ với 2.736 khẩu, với tổng số gạo hỗ trợ là 41.050 kg. Dịp giáp hạt đầu năm 2024 có 521 hộ với 1.604 khẩu thiếu đói, với tổng số gạo hỗ trợ là 24.060 kg.) Căn cứ kết quả rà soát, các địa phương đã chủ động bố trí nguồn lực để thực hiện hỗ trợ cho các hộ có nguy cơ thiếu đói để đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh.

Kết quả thực hiện chi trả không dùng tiền mặt cho đối tượng bảo trợ xã hội: Đến tháng 7/2024, toàn tỉnh có 10.289/31.270 đối tượng bảo trợ xã hội có tài khoản và đã tiến hành chi trả không dùng tiền mặt qua tài khoản cho 9.750 đối tượng, kinh phí chi trả là 5,2 tỷ đồng.

10.2. Giáo dục¹²

Chỉ tiêu về số trường mầm non và phổ thông được công nhận đạt chuẩn quốc gia: đến tháng 7/2024, toàn tỉnh có 342 trường mầm non, phổ thông được công nhận đạt chuẩn quốc gia (*tỷ lệ 77,4%*) đạt 100,59% so với kế hoạch giao. Trong đó, số trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 là 92 trường (*tỷ lệ 20,8% tổng số trường*). So với tháng 5 và quý I, tăng 4 trường, so với năm 2023 tăng 12 trường đạt chuẩn quốc gia.

Chỉ tiêu về duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục: Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi: 173/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, đạt 100% kế hoạch giao.

Phổ cập giáo dục tiểu học (*mức độ 1, 2, 3*): 173/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, đạt 100% kế hoạch giao.

Phổ cập giáo dục trung học cơ sở (*mức độ 1,2*): 173/173 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, đạt 100% kế hoạch giao. Phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3: 114/115 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn, đạt 99,1% kế hoạch giao.

Trong 7 tháng năm 2024, Sở Giáo dục và Đào tạo đã bám sát chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo, của tỉnh Yên Bái để chủ động ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ như: (1) Tham gia và đạt 01 giải nhì, 01 giải ba trong cuộc thi “Học sinh, sinh viên với ý tưởng khởi nghiệp” cấp

¹² Nguồn: Báo cáo Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Yên Bái.

quốc gia lần thứ VI năm 2024; (2) Tham gia Hội khoẻ phù đồng toàn quốc lần thứ X năm 2024, khu vực 1 tại thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đảm bảo an toàn tuyệt đối, xếp thứ 8 trong tổng số 13 đơn vị tham gia với 22 huy chương; (3) 100% các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh hoàn thành kế hoạch thời gian năm học theo đúng tinh thần tại Quyết định số 1398/QĐ-UBND; (4) Hoàn thành công tác lựa chọn sách giáo khoa giáo dục phổ thông cho năm học 2024-2025; (5) Chuẩn bị chu đáo, đảm bảo các điều kiện tổ chức tốt cho 02 kỳ thi trong năm 2024 diễn ra an toàn, nghiêm túc, đúng quy chế, được các cấp và nhân dân dân ghi nhận, đánh giá cao; (6) hoàn thành 1/2 chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội được Ủy ban nhân dân tỉnh giao (*chỉ tiêu trường đạt chuẩn quốc gia về đích trước 06 tháng, vượt 02 trường, tỷ lệ 0,59% kế hoạch giao*). (7) Xét duyệt kết quả tốt nghiệp THPT năm 2024 đối với các đơn vị (*số thí sinh đỗ tốt nghiệp là 8.324 em, đạt 99,38%. Trong đó, tỷ lệ trung bình khối THPT là 99,73%, tỷ lệ trung bình khối giáo dục thường xuyên là 97,23%; điểm trung bình các môn thi của Yên Bái là 6,515, đứng thứ 42/63 tỉnh thành trong cả nước*).

10.3. Hoạt động văn hóa, thể thao¹³

Văn hoá cơ sở: Trong tháng tổ chức Hướng dẫn hoạt động cho 08 câu lạc bộ nghệ thuật quần chúng do đơn vị quản lý. Trang trí sân khấu, băng rôn, khẩu hiệu; phối hợp, thường trực tổ chức Liên hoan Tuyên truyền lưu động tỉnh Yên Bái lần thứ XVI, năm 2024 tổ chức tại huyện Yên Bình. Phối hợp với Đoàn Nghệ thuật dân tộc tham gia dàn dựng và biểu diễn các chương trình nghệ thuật phục vụ nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Chuẩn bị nội dung, sẵn sàng tổ chức đi Tuyên truyền lưu động, Chiếu phim lưu động kỷ niệm 77 năm Ngày Thương binh, Liệt sỹ 27/7 khi Kế hoạch quý III được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Cử viên chức tham gia lớp bồi dưỡng Công tác phổ biến phim tại Lạng Sơn do Cục Điện ảnh tổ chức. Lòng tiếng song ngữ Việt - Mông gửi cơ sở.

Đối với nghệ thuật biểu diễn: Chủ trì dàn dựng chương trình nghệ thuật, tổ chức biểu diễn tại Lễ Tuyên dương và Đại hội thi đua quyết thắng tỉnh Yên Bái giai đoạn 2019 - 2024. Xây dựng chương trình và biểu diễn phục vụ Đại hội đại biểu Mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh Yên Bái, nhiệm kỳ 2024 - 2029. Tổ chức đợt biểu diễn nghệ thuật phục vụ nhân dân huyện Văn Yên nhân kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh, Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2024) theo chỉ tiêu giao năm 2024. Lũy kế 7 tháng đã tổ chức biểu diễn 41 buổi nghệ thuật chuyên nghiệp, trong đó vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số 20 buổi, đạt 33,3% KH, ước số lượt người xem 39.500 lượt; Dàn dựng vở, chương trình mới 05 chương trình; hướng dẫn hoạt động câu lạc bộ 255 buổi, đạt 72,8% KH. Tổ chức 01 lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, với 130 số học viên tham gia, đạt 50% KH. Số buổi Tuyên truyền lưu động 27 buổi; Xây dựng bài tuyên truyền xe loa 11 bài, đạt 64,7% KH; Số buổi chiếu phim 122 buổi, trong đó vùng cao 115 buổi, Rạp 07 buổi. Lòng 07 số phim song ngữ Việt – Mông, đạt 58,3% KH.

¹³ Nguồn: Báo cáo Sở Văn hóa, Thể thao và du lịch.

Hoạt động bảo tàng: Trong tháng đón 720 khách tham quan. Triển khai sưu tầm bổ sung kho cơ sở và tổ chức quản lý 10 hiện vật. Tổ chức trưng bày chào mừng Đại hội Thi đua Quyết thắng Lực lượng vũ trang tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2019-2024, tại Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Yên Bái. Xây dựng đề cương maket và tổ chức trưng bày kỷ niệm 77 năm ngày Thương binh, liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/2024). Lũy kế 7 tháng đón hơn 44.942 khách du lịch đến tham quan và trải nghiệm, đạt 130% KH, trong đó có 241 khách quốc tế đạt 160% KH; Nghiên cứu, sưu tầm tư liệu; thám sát khảo cổ 01 đợt, đạt 100% KH; Sưu tầm hiện vật: 65 hiện vật, đạt 65% KH; Nghiên cứu xây dựng nội dung trưng bày 07 cuộc, đạt 100% KH; Tổng số hiện vật có trong bảo tàng: 25.136 hiện vật.

Hoạt động thư viện: Xử lý kỹ thuật tài liệu: 0 tên tài liệu (lũy kế 7 tháng 685 tài liệu, đạt 24,2% kế hoạch giao). Xây dựng cơ sở dữ liệu số: 4.103 trang tài liệu (lũy kế 7 tháng 27.639 trang tài liệu, đạt 67,3% kế hoạch giao), trong đó: Thực hiện số hóa 3.329 trang tài liệu, sưu tầm 774 trang tài liệu. Xây dựng bộ máy tra cứu: 0 đơn vị tài liệu (lũy kế 7 tháng 3.037 tài liệu, đạt 17,8% kế hoạch giao). Cung cấp thông tin, tài liệu tại thư viện và phục vụ bạn đọc ngoài thư viện: 16.714 thẻ/tài liệu (lũy kế 7 tháng 133.824 tài liệu, đạt 67% kế hoạch giao). Bảo quản, sưu tầm, phục chế tài nguyên thông tin thư viện: 0 tài liệu (lũy kế 7 tháng 351.918 tài liệu, đạt 117,1% kế hoạch giao). Biên soạn thư mục, trưng bày, triển lãm, tuyên truyền, giới thiệu sách, báo, tài liệu thư viện phục vụ nhiệm vụ chính trị: 17 thư mục/tài liệu (lũy kế 7 tháng 122 tài liệu, đạt 87% kế hoạch giao). Hoạt động của xe thư viện lưu động: Đi phục vụ tại cơ sở 7 buổi (lũy kế 7 tháng 95 buổi, đạt 65,5% kế hoạch giao). Số lượt bạn đọc được phục vụ là 875 lượt (lũy kế 7 tháng 29.875 lượt). Số lượt sách luân chuyển là 3.831 lượt (lũy kế 7 tháng 58.879 tài liệu, đạt 73% kế hoạch giao)...

Hoạt động thể dục thể thao:

Công tác đào tạo bồi dưỡng, tổ chức thi đấu, tham gia giải thể thao phong trào toàn quốc: xây dựng Kế hoạch tổ chức 02 giải gồm: giải Vô địch Võ Vovinam- Võ karate các CLB tỉnh Yên Bái năm 2024; Giải Bơi các nhóm tuổi tỉnh Yên Bái năm 2024. (Tính đến hết ngày 15/7/2024 đã tổ chức thành công giải Vô địch Võ Vovinam- Võ karate các CLB tỉnh Yên Bái năm 2024, thu hút 225 VĐV/18 đơn vị tham gia). Tiến hành rà soát lực lượng vận động viên, xây dựng kế hoạch tuyển chọn 02 giải thể thao phong trào toàn quốc: Giải Cầu lông, Bóng bàn gia đình toàn quốc năm 2024 tại thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; Giải Đẩy gậy trẻ toàn quốc năm 2024 tại, tỉnh Bắc Kạn.

Tham gia 03 giải phong trào toàn quốc: Tổng số huy chương đạt được tính đến ngày 17/7: 06 huy chương (trong đó: 02 HCV; 01 HCB; 03 HCD), (đạt 42,9%KH).

Về thể thao thành tích cao: Yên Bái thường xuyên duy trì đào tạo 140 vận động viên ở 03 tuyến (50 VĐV tuyến tỉnh, 60 VĐV tuyến trẻ, 30 VĐV năng

kiểu) của 10 môn, gồm: Bóng rổ, Bóng ném, Cầu mây, Đá cầu, Võ vovinam, Võ cổ truyền, Cử tạ, Điền kinh, Đua thuyền và Đẩy gậy. Tính đến ngày 17/7/2024, đã tham gia thi đấu 12 giải toàn quốc đạt 41 huy chương các loại; trong đó 12 huy chương Vàng, 07 huy chương Bạc, 22 huy chương Đồng (đạt 81,5% KH).

10.4. Tình hình dịch bệnh và công tác khám chữa bệnh¹⁴

- *Tình hình dịch bệnh:* Trong tháng tình hình dịch bệnh tương đối ổn định, không phát hiện ca bệnh/ổ dịch nguy hiểm: cúm A(H7N9), A(H5N1), tả...

Bệnh truyền nhiễm nhóm B: Ghi nhận 01 ca tử vong do nhiễm Liên cầu lợn tại huyện Lục Yên. Ghi nhận 02 ca Ho gà tại Yên Bình và Lục Yên.

Bệnh truyền nhiễm có số mắc tăng so với tháng trước: cúm (411/377), tiêu chảy (212/179), viêm gan vi rút (21/17) ho gà (2/1); bệnh truyền nhiễm có số mắc giảm so với tháng trước: số tiêm phòng đại (363/403), bệnh liên cầu lợn ở người (1/2), tay chân miệng (4/19), quai bị (3/21), thủy đậu (37/73), adeno vi rút (133/136)...

- *Hoạt động tiêm chủng:*

Biểu 5: Kết quả hoạt động tiêm chủng

		Thực hiện (%)		So với (%)		
		Tháng 7	7 tháng	Tháng trước	Kế hoạch	Cùng kỳ 2023
1	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin	12,5	52,3	-1,3	53,1	3,1
2	Tỷ lệ tiêm Viêm gan B sơ sinh trong vòng 24 giờ đầu tại bệnh viện	95,4	82,6	-1,5	91,8	-13,3
3	Tỷ lệ tiêm phòng Lao tại bệnh viện/TTYT	94,2	74,1	0,1	92,7	-2,7
4	Tỷ lệ phụ nữ có thai tiêm phòng uốn ván mũi 2 trở lên	4,9	46,9	-2,9	48,3	-5,3
5	Tỷ lệ tiêm phòng Sởi - Rubella (cho trẻ 18 tháng tuổi)	10,1	54,7	-0,9	57,6	-7,8
6	Tỷ lệ tiêm phòng Bạch hầu - Ho gà - Uốn ván (DPT mũi 4 cho trẻ 18 tháng tuổi)	6,4	54,6	-1,7	57,4	13,3
7	Tỷ lệ tiêm Viêm não Nhật Bản mũi 3	7,8	58,5	-0,8	61,6	-6,8

Thực hiện tiếp nhận và cấp phát 45.000 liều vắc xin, gồm 8/10 loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng, 2/10 loại không được cung ứng (Vắc xin uốn ván và DPT).

¹⁴ Nguồn: Báo cáo Sở Y tế tỉnh Yên Bái.

Tiêm chủng vắc xin COVID-19: Trong tháng không triển khai tiêm vắc xin phòng COVID-19. Lũy tích trong năm đã sử dụng 4.632 liều vắc xin phòng COVID-19 tiêm cho 4.366 người từ 12 tuổi trở lên.

- *Hoạt động phòng chống HIV/AIDS*: Số HIV mới phát hiện trong tháng: 09 (lũy tích: 4.082 người), số mắc bệnh AIDS trong tháng: 0 (lũy tích: 2.511); số tử vong do AIDS trong tháng: 03 (lũy tích: 2.231), số người nhiễm HIV hiện còn sống là 1.922 (71 người ngoại tỉnh), đang quản lý là 1.851¹⁵ người.

Điều trị ARV: 1.737 (21 trẻ em). Điều trị dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con cho 01 trường hợp. Duy trì tư vấn, xét nghiệm HIV tại phòng tư vấn xét nghiệm tự nguyện. Truyền thông thay đổi hành vi phòng, chống HIV/AIDS¹⁶. Tiếp tục triển khai các hoạt động Dự án AHF, Dự án Quỹ toàn cầu.

- *Hoạt động phòng chống Lao*: Tập huấn chương trình Lao cho 144 nhân viên y tế thôn bản huyện Văn Yên. Tổ chức 4 lớp tập huấn, chẩn đoán Hen, COPD cho 120 cán bộ y tế tại Văn Yên, Văn Chấn, Trấn Yên, Yên Bình. Tổ chức khám sàng lọc cho 781 người, Số phát hiện lao thu nhận vào điều trị là 19, Số phát hiện có bằng chứng vi khuẩn học: 14.

- *An toàn vệ sinh thực phẩm*:

Kiểm tra hậu kiểm 25 cơ sở việc chấp hành các quy định về an toàn thực phẩm tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh nước uống đóng chai, đóng bình, nước đá dùng liền trên địa bàn tỉnh năm 2024.

Kiểm tra, giám sát đảm bảo an toàn thực phẩm phục vụ kỳ thi tốt nghiệp THPT, phục vụ kỳ họp thứ 17-Hội đồng nhân dân tỉnh¹⁷... Với tổng số suất ăn: 2.275 suất ăn, lưu 124 mẫu. 100% các suất ăn đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.

Trong tháng không ghi nhận trường hợp ngộ độc thực phẩm.

- *Công tác khám chữa bệnh*:

Y học hiện đại: Tổng số lượt khám chữa bệnh trong tháng là 143.604 lượt (lũy tích 937.517 lượt), tăng 7,5% so với cùng kỳ năm 2023. Số lượt điều trị nội trú là 12.783 lượt (lũy tích 89.850 lượt), tăng 2% so với cùng kỳ năm 2023. Cụ thể:

¹⁵ Số liệu lũy tích thay đổi do các đơn vị trong tỉnh đang rà soát, làm sạch số liệu khi cập nhật phần mềm HIV info 4.0. Trong tháng bổ sung 20 trường hợp người nhiễm HIV..

¹⁶ Phát trên Đài phát thanh - truyền hình huyện 09 buổi, 05 tin bài; trên đài phát thanh xã 302 buổi, 173 tin, bài; thảo luận nhóm 388 buổi; truyền thông cho đối tượng nguy cơ cao: 1.630 lượt người NCMT, 0 lượt nữ tiếp viên nhà hàng, khách sạn, 0 lượt MSM (nam quan hệ tình dục đồng giới); đối tượng khác: 1.421 lượt người.

¹⁷ (1)Phục vụ diễn tập khu vực phòng thủ huyện Lục Yên năm 2024. (2) Lễ công bố huyện Yên Bình đạt chuẩn nông thôn mới năm 2023; công bố Quyết định của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng khu du lịch quốc gia Hồ Thác Bà tỉnh Yên Bái đến năm 2040. (3) Phục vụ kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 và kỳ thi tuyển sinh THPT năm 2024-2025; (4) Hội nghị cung cấp thông tin định kỳ trong Đảng bộ tỉnh. (5) Phục vụ Kỳ họp thứ 17, Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XIX

Biểu 6: Kết quả hoạt động khám chữa bệnh

	Tháng 7	7 tháng	So với tháng trước (%)	So với cùng kỳ 2023 (%)
1 Tổng số lượt khám chữa bệnh	143.604	937.517	-12,1	+7,5
2 Số lượt khám y học cổ truyền và y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại	23.567	148.995	-0,8	+23,2
3 Số lượt khám trẻ em dưới 5 tuổi	9.924	84.682	-22,8	-15,8
4 Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	12.783	89.850	-10,6	+2,0
5 Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	25.139	182.842	-13,0	+9,5
6 Tổng số ngày điều trị nội trú	79.596	557.666	-8,2	+2,4
7 Công suất sử dụng giường bệnh KH	92,36	94,6	-11,6	+0,9
8 Số lần phẫu thuật	1.639	11.013	-10,6	-9,1
9 Tổng số lần xét nghiệm	243.502	1.623.658	-7,8	+14,9
10 Tổng số lần siêu âm	25.376	176.564	-11,7	+5,9
11 Tổng số lần chụp X - quang	23.563	158.653	-9,9	+18,9
12 Tổng số lần chụp CT - scanner	2.013	12.934	+34,7	+43,5
13 Tổng số lần chụp MRI	649	2.809	-8,8	+9,4
14 Tổng số tai nạn thương tích vào viện	1.151	8.240	-11,9	+7,3

- Y học cổ truyền:

Tổng số lượt khám y học cổ truyền kết hợp y học hiện đại toàn tỉnh là 23.567 lượt (lũy tích 148.995 lượt), tăng 23,2% so với cùng kỳ năm 2023, trong đó tỷ lệ khám y học cổ truyền so với tổng số lượt khám chữa bệnh là 16,4%, tăng 2,1% cùng kỳ năm 2023 (14,3%).

10.5. Về an toàn giao thông¹⁸

Tính từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/7/2024, trên địa bàn tỉnh xảy ra 16 vụ tai nạn giao thông, chết 05 người, bị thương 16 người. So với cùng kỳ số vụ tai nạn tăng 10 vụ, số người chết tăng 02 người, số người bị thương tăng 12 người. Tính chung 7 tháng đầu năm 2024, trên địa bàn tỉnh xảy ra 100 vụ tai nạn giao thông, làm chết 40 người, bị thương 96 người. So với cùng kỳ số vụ tai nạn tăng 34 vụ, số người chết tăng 07 người, số người bị thương tăng 41 người.

10.6. Tình hình cháy nổ, môi trường

Cháy nổ¹⁹: Trong tháng trên địa bàn tỉnh không có vụ cháy, nổ xảy ra; tính

¹⁸ Nguồn: Sở Giao thông vận tải tỉnh Yên Bái.

chung 7 tháng đầu năm xảy ra 33 vụ cháy nổ (tăng 21 vụ so cùng kỳ), làm chết 3 người (tăng 03 người so cùng kỳ).

Vi phạm môi trường²⁰: Trong tháng 7/2024, Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã phát hiện và xử phạt 03 vụ vi phạm môi trường với tổng số tiền là 852,49 triệu đồng, bằng số vụ so với tháng 6/2024, tăng 01 vụ so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó nổi bật là trường hợp vi phạm Công ty TNHH Minh Nghĩa Yên Bái bị phạt 350 triệu đồng vì không có quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

Tính chung 7 tháng đầu năm Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường đã phát hiện và xử phạt 32 vụ với tổng số tiền là 8.554,5 triệu đồng.

10.7. Thiệt hại do thiên tai²¹:

Từ ngày 19/6/2024 đến 18/7/2024 trên địa bàn tỉnh Yên Bái xảy ra 02 vụ thiệt hại do thiên tai, gây thiệt hại về nhà ở và nông nghiệp như sau: 6 ngôi nhà bị sập, cuốn trôi, 25 ngôi nhà bị hư hại, 54,2 ha lúa và 0,3 ha ngô bị thiệt hại, 01 con gia súc và 105 con gia cầm bị chết, cuốn trôi... Ước tính tổng giá trị thiệt hại khoảng 1,25 tỷ đồng.



¹⁹ Nguồn: Sở Công an tỉnh Yên Bái.

²⁰ Nguồn: Báo cáo Sở Tài nguyên và MT tỉnh Yên Bái.

²¹ Nguồn: Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh Yên Bái

Tóm lại, Tình hình phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2024 tuy gặp không ít khó khăn, song hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ tiếp tục có bước phát triển, một số chỉ tiêu 7 tháng có mức tăng hơn so cùng kỳ (Sản lượng thịt hơi xuất chuồng đàn gia súc chính tăng 5,66%; cây trồng phân tán tăng 2,01%; Sản lượng gỗ khai thác tăng 12,38%; Tổng sản lượng thủy sản tăng 3,47%; Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,36%; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 10,53%; Doanh thu vận tải, kho bãi, bưu chính chuyển phát tăng 22,95%; Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tăng 2,94%...), đời sống dân cư được quan tâm kịp thời. An ninh, trật tự xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, do chỉ số sản xuất ngành khai thác quặng kim loại, Sản xuất thuốc, Sản xuất trang phục, hóa dược và dược liệu giảm làm ảnh hưởng đến chỉ số IIP trên địa bàn tỉnh.

Tiếp tục khắc phục khó khăn và phát huy những kết quả đạt được, thời gian tới các cấp, các ngành, các địa phương trong tỉnh cần chú trọng những nội dung chủ yếu sau:

Thực hiện tốt Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Chương trình hành động số 188-CTr/TU ngày 25/11/2023 của Tỉnh ủy Yên Bái về lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị năm 2024; Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - Xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024.

Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân tranh thủ thời tiết thu hoạch lúa Đông Xuân và thu hoạch các cây trồng vụ Xuân khác để giải phóng đất cho sản xuất vụ Mùa. Tập trung chỉ đạo chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh hại, bảo vệ tốt diện tích chè, cây ăn quả, cây dâu hiện có và thực hiện tốt các biện pháp làm đất, chuẩn bị cây giống để trồng mới trong vụ Mùa đảm bảo chỉ tiêu kế hoạch giao. Chú trọng các vùng chuyên canh, tổ chức sản xuất theo các tiêu chuẩn an toàn, đảm bảo truy xuất nguồn gốc. Hướng dẫn bà con nông dân diệt trừ chuột, phòng trừ kịp thời sâu bệnh cây lúa như: bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, ruồi đục nõn, tập đoàn rầy. Tăng cường kiểm soát dịch bệnh trên đàn gia súc, quản lý, bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng mùa khô hanh. Chuẩn bị tốt các điều kiện cho bảo vệ và phát triển rừng năm 2024. Chủ động phòng chống thiên tai, giảm thiểu thiệt hại khi có thiên tai xảy ra.

Để sản xuất công nghiệp của tỉnh đạt mức tăng ổn định ở các tháng tiếp theo các ngành, các cấp liên quan có biện pháp thiết thực, tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp về nguồn vốn, hỗ trợ trong xây dựng thương hiệu, xúc tiến thương mại tiêu thụ sản phẩm sản xuất; đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong thu hút đầu tư, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các dự án: Khai thác chế biến đá vôi trắng, chế biến gỗ chất lượng cao, sản xuất một số sản phẩm mới (sản xuất tơ tằm, viên nén), các dự án thủy điện,

điện mặt trời,... để nhanh chóng hoàn thành đi vào sản xuất,... Đẩy nhanh công tác triển khai các dự án đầu tư mặt bằng, hạ tầng các Khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh để thu hút đầu tư sản xuất.

Đảm bảo hoàn thành tiến độ triển khai thực hiện, tiến độ giải ngân các dự án thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2024 theo đúng kịch bản đã phê duyệt.

Khai thác tiềm năng và lợi thế về cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc, nhiều chủ thể trên địa bàn tỉnh Yên Bái đã và đang tập trung xây dựng, phát triển các sản phẩm OCOP nhóm dịch vụ du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái và điểm du lịch văn hóa. Định hướng phát triển nền tảng thương mại điện tử thông qua chuỗi cung ứng, chuỗi giá trị nhằm kết nối các nhà sản xuất lớn, các nhà phân phối vừa và nhỏ, các nhà bán buôn và các kênh thương mại bán lẻ, các công ty thương mại điện tử. Tăng cường kiểm tra, xử lý hàng hóa nhập lậu, hàng giả, hàng xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, hàng hóa không bảo đảm an toàn thực phẩm và nhất là các vi phạm trong lĩnh vực thương mại điện tử, hàng hóa gian lận xuất xứ, chuyển tải bất hợp pháp.

Cục Thống kê tỉnh Yên Bái trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Vụ Thống kê Tổng hợp (TCTK);
- Thường trực Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH - HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TH.

CỤC TRƯỞNG



Vũ Tuấn Hà